

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TỈNH ĐẮK NÔNG
CHI CỤC KIỂM LÂM

Số: 419 /CCKL-HCTH

V/v thực hiện TTHC cắt giảm thời gian
giải quyết so với quy định hiện hành,
công bố tại Quyết định số 731/QĐ-
UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh
Đắk Nông.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 18 tháng 5 năm 2017

Kính gửi:

- Các phòng nghiệp vụ;
- Hạt Kiểm lâm các huyện, thị xã Gia Nghĩa.

Căn cứ Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền quản lý Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông;

Để thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp đúng quy định về thời gian đã cắt giảm, Chi cục Kiểm lâm yêu cầu các phòng nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc thực hiện các nội dung sau:

- Niêm yết công khai Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông tại trụ sở làm việc cơ quan và Trang thông tin điện tử tổng hợp Chi cục Kiểm lâm Đắk Nông;

- Các phòng nghiệp vụ tham mưu Chi cục Kiểm lâm triển khai thực hiện đúng thời gian giải quyết các thủ tục hành chính đã được cắt giảm quy định tại Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông; trên cơ sở phân chia thời gian giải quyết thủ tục hành chính cụ thể theo biểu kèm theo;

- Hạt Kiểm lâm các huyện, thị xã tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã thực hiện đúng thời gian giải quyết các thủ tục hành chính đã được cắt giảm quy định tại Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

(Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 đăng trên đăng trên Trang thông tin điện tử tổng hợp Chi cục Kiểm lâm Đắk Nông <http://kiemlam.daknong.gov.vn> tại chuyên mục thủ tục hành chính).

Chi cục Kiểm lâm yêu cầu các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận: *HL*

- Như trên;
- Lãnh đạo CCKL;
- Website CCKL;
- Lưu: VT, HCTH (Thu).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Phạm Thị Loan

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT SO VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Công văn số 479/CKKL-HCTH ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Kiểm lâm Đắk Nông)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày làm việc)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 20% (ngày làm việc)	Chi tiết (Đơn vị tính: Ngày làm việc theo quy định của từng thủ tục hành chính)
1	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 15,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh: 05 - Trình thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
2	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 15,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh: 05 - Trình thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
3	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 15,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh: 05 - Trình thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày làm việc)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 20% (ngày làm việc)	Chi tiết (Đơn vị tính: Ngày làm việc theo quy định của từng thủ tục hành chính)
4	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý Khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với Khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 15,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh: 05 - Trình thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
5	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý Khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với Khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 15,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh: 05 - Trình thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
6	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý Khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với Khu rừng thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 15,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh: 5 - Trình thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
7	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với Khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 15,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh: 12

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày làm việc)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 20% (ngày làm việc)	Chi tiết (Đơn vị tính: Ngày làm việc theo quy định của từng thủ tục hành chính)
8	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 15,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh: 05 - Trình thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
9	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 15,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh: 05 - Trình thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
10	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh	50	40	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 19,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh : 10 - Bộ Nông nghiệp và PTNT: 10
11	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý	50	40	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 19,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh : 10 - Bộ Nông nghiệp và PTNT: 10

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày làm việc)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 20% (ngày làm việc)	Chi tiết (Đơn vị tính: Ngày làm việc theo quy định của từng thủ tục hành chính)
12	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đổi với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)	45	36	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 11,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh : 12 - Bộ Nông nghiệp và PTNT: 12
13	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 17,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh : 10
14	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	33	26	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 17,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh : 08
15	Thủ tục giao rừng đổi với tổ chức	36	29	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 25,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh : 3

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày làm việc)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 20% (ngày làm việc)	Chi tiết (Đơn vị tính: Ngày làm việc theo quy định của từng thủ tục hành chính)
16	Thủ tục cho thuê rừng đối với tổ chức	36	29	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 25,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh : 3
17	Thủ tục thu hồi rừng của tổ chức được nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước hoặc cho thuê rừng trả tiền hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	30	24	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 19,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5 - UBND tỉnh : 4
18	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	20	16	<ul style="list-style-type: none"> - Hạt Kiểm lâm: 4 - Chi cục Kiểm lâm: 8 - Sở NN&PTNT: 4
19	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của các chủ rừng là tổ chức	30	24	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 23,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày làm việc)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 20% (ngày làm việc)	Chi tiết (Đơn vị tính: Ngày làm việc theo quy định của từng thủ tục hành chính)
20	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	15	12	- Chi cục Kiểm lâm: 12
21	Thủ tục công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (gồm công nhận: cây trọi; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyển hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)	15	12	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 11,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5
22	Thủ tục cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt là rừng sản xuất (đối với tổ chức và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn thuộc tỉnh quản lý)	20	16	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm: 15,5 - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt chuyển xuống bộ phận tiếp nhận và TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT: 0,5

Số: 731/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 03 tháng 5 năm 2017

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH ĐẮK NÔNG	
ĐẾN	Số: 1960
	Ngày: 5 / 5 / 2017
	Chuyên: HCĐT + Cải cách

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 381/KH-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về cải thiện Chỉ số chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 28/TTr-STP ngày 25 tháng 4 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã căn cứ Quyết định này thực hiện thủ tục hành chính giảm thời gian giải quyết đảm bảo theo đúng quy định; tổ chức công khai, niêm yết Quyết định này, kèm theo Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị. Đồng thời, UBND các huyện, thị xã có trách nhiệm triển khai Quyết định này đến UBND các xã, phường, thị trấn trực thuộc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *neu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Đắk Nông;
- Trung tâm hành chính công;
- Lưu: VT, NN, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Huy

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIẠN GIẢI QUYẾT SO VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 731 /QĐ-UBND, ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày làm việc)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 20% (ngày làm việc)	Chi tiết (Đơn vị tính: Ngày làm việc theo quy định của từng thủ tục hành chính)
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp			
1	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đất với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 16 - UBND tỉnh: 05 - Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
2	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đất với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 16 - UBND tỉnh: 05 - Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
3	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đất với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 16 - UBND tỉnh: 05 - Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07

4	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 16 - UBND tỉnh: 05 - Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
5	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 16 - UBND tỉnh: 05 - Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
6	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 16 - Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
7	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 16 - UBND tỉnh: 05 - Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
8	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản	35	28	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 16 - UBND tỉnh: 05

	ly				- Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	35	28		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 16 - UBND tỉnh: 05 - Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: 07
9	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh	50	40		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 20 - UBND tỉnh: 10 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 10
10	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý	50	40		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 20 - UBND tỉnh: 10 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 10
11	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)	45	36		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 12 - UBND tỉnh: 12 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 12
12	Thẩm định, phê duyệt bảo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển	35	28		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 18
13					

	thuộc địa phương quản lý				- UBND tỉnh: 10
14	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	33	26		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 18 - UBND tỉnh: 08
15	Thu tục giao rừng đối với tổ chức	36	29		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 26 - UBND tỉnh: 03
16	Thu tục cho thuê rừng đối với tổ chức	36	29		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 26 - UBND tỉnh: 03
17	Thu tục thu hồi rừng của tổ chức được nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước hoặc cho thuê rừng trả tiền hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	30	24		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 20 - UBND tỉnh: 04
18	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	20	16		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 16
19	Thu tục thẩm định, phê duyệt phương án quản lý	30	24		- Sở Nông nghiệp và Phát triển

	rừng bên vũng của các chủ rừng là tổ chức				nông thôn: 24
20	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	15	12		
21	Thủ tục công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (gồm công nhận: cây trời; làm phân tuyên chọn; rừng giống chuyển hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)	15	12		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 12
22	Thủ tục cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt là rừng sản xuất (đối với tổ chức và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn thuộc tỉnh quản lý)	20	16		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 16
II Lĩnh vực Quản lý chất lượng NLS và TS					
1	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu	20	15		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 15
2	Cấp giấy xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm	20	15		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 15
3	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	10	06		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 6
III Lĩnh vực Thú y					
1	Cấp/cấp lại giấy chứng nhận vệ sinh thú y	15	12		- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 12
2	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	15	12		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 12
IV Lĩnh vực Thủy lợi					

<p>1</p> <p>Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 6, 7, 8, 10 Điều 1 Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>1.1. Các hoạt động được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 10 Điều 1 Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>1.2. Các hoạt động được quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 1 Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>25</p> <p>20</p>	<p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 17</p> <p>- UBND tỉnh : 03</p> <p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 10</p> <p>- UBND tỉnh: 02</p>
<p>2</p> <p>Thủ tục cấp giấy phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>	<p>Hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi</p>	<p>15</p> <p>12</p>	<p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 09</p> <p>- UBND tỉnh: 03</p>
<p>3</p> <p>Thủ tục cấp giấy phép cho hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi</p>	<p>Hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi</p>	<p>15</p> <p>12</p>	<p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 09</p> <p>- UBND tỉnh: 03</p>
<p>4</p> <p>Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép</p>	<p>4.1. Xây dựng công trình mới</p>	<p>15</p> <p>12</p>	<p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển</p>

	cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	hoặc nâng cấp công trình đã có.	4.2. Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản và khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng.	15	12	nông thôn: 10 - UBND tỉnh: 02 ngày
			4.3. Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: Đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước.	15	12	
5	Thu tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi	Xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi	30	24	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 21 - UBND tỉnh: 03	
6	Thu tục gia hạn sử dụng, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi	Xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi	15	12	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 10 - UBND tỉnh: 02	
			Công trình cấp I, cấp đặc biệt	40	32	- Chi cục Thủy lợi: 32
7	Thu tục thẩm định, thẩm tra hồ sơ thiết kế công trình thủy lợi	Công trình cấp II và cấp III	30	24	- Chi cục Thủy lợi: 24	
		Các công trình còn lại	20	16	- Chi cục Thủy lợi: 16	

C THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, HẠT KIỂM LÂM, BQL RỪNG ĐẶC DỤNG				
1	Thủ tục Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân.	36	29	UBND cấp huyện: 29
2	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn.	36	29	UBND cấp huyện: 29
3	Cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân.	36	29	UBND cấp huyện: 29
4	Thủ tục thu hồi rừng của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước hoặc cho thuê rừng trả tiền hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giám diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.	30	24	UBND cấp huyện: 24
5	Cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu tại chỗ đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.	15	12	UBND cấp huyện: 12